TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH TÂN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ.ST
Ngày: 22 - 8 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mười Hai
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Hoàn Thanh
2. Ông Trần Quang Nghiêm
Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kim Hồ
- Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Tân.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long
(không thuộc trường hợp tham tham gia phiên tòa sơ thẩm).

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 138/2019/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019, về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1975 (có mặt).
Địa chỉ: Tổ 04, ấp T K, xã T L, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.
- Bị đơn: Anh **Trần Thanh S**, sinh năm 1971 (vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 04, ấp T K, xã T L, huyện B T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 11/6/2019 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh anh Trần Thanh S qua tìm hiểu về chung sống như vợ chồng từ năm 1991, có đăng ký kết hôn tại UBND T L vào ngày 28/4/2004, nguyên nhân vợ

chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt, anh S thường uống rượu, vô cớ gây sự chửi bới xúc phạm vợ con, đánh và đuổi chị khỏi nhà, chị đã nhiều lần khuyên bảo để hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không có hạnh phúc. Vợ chồng tuy còn ở chung nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Quá trình chung sống, chị và anh S có hai con chung tên là Trần Thanh T (sinh ngày 30/10/1993), Trần Thanh P (sinh ngày 21/4/1998) đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung và tài sản chung không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh S. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, ý kiến đã trình bày và xác định: Vào năm 2016, chị đã khởi kiện yêu cầu ly hôn một lần nhưng muốn anh S có cơ hội sửa đổi nên đã rút đơn, mâu thuẫn giữa chị và anh S xảy ra đã lâu, đến nay anh S thường xuyên uống rượu, không còn quan tâm đến gia đình và không thể hàn gắn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét chị Nguyễn Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Trần Thanh S, anh S có nơi cư trú thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Xét anh S đã được triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa vào các ngày 02/8/2019, ngày 22/8/2019 nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt anh S là đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét chị T và anh S tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, anh chị đã có cuộc sống riêng đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, Tòa án đã mời anh S đến hòa giải nhiều lần để vợ chồng có điều kiện hàn gắn nhưng anh S vắng mặt, việc này thể hiện anh S đã không muốn cải thiện

tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận để chị T được ly hôn với anh S là có căn cứ.

[3] Xét về con chung tên là Trần Thanh T (sinh ngày 30/10/1993), Trần Thanh P (sinh ngày 21/4/1998) đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Xét về nợ chung và tài sản chung: Chị T, anh S không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp án phí là 300.000đ theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Chị T được ly hôn với anh Trần Thanh S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*, số tiền án phí chị T phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai tạm ứng thu số 0015490 ngày 11/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này

trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA): 01;
- VKSND huyện Bình Tân: 01;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01;
- Các đương sự: 02;
- UBND xã T L (h.B T, tỉnh Vĩnh Long): 01;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Mười Hai